

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1603/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

HỎA TỐC

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khoá XV số: 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024; số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 911/TTr-BKHĐT ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được giao tại Điều 1 Quyết định này, Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, dứt khoát không dàn trải, manh mún, chia cắt, không để xảy ra tiêu cực, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11

năm 2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024 và số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong phạm vi tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thứ tự ưu tiên như sau:

a) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ số nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật (nếu có);

b) Bố trí đủ vốn để thu hồi số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Trường hợp đã thu hồi hết số vốn ứng trước phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được phép bố trí vốn cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao, bảo đảm nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định;

c) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024;

d) Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn nhà nước tham gia vào các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, bố trí đủ các khoản trả nợ đến hạn năm 2024 thuộc nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương;

đ) Bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2024 theo thời gian bố trí vốn;

e) Bố trí vốn cho các nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

g) Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững;

h) Bố trí vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo hoàn thành các dự án theo đúng các Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

i) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt để hoàn thành dự án;

k) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã đủ thủ tục đầu tư;

l) Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trừ đi số vốn đã giải ngân trong năm 2021, năm 2022 (bao gồm giải ngân vốn kéo dài hằng năm) và số vốn đã bố trí năm 2023;

m) Mức vốn bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024;

n) Ngoài các nguyên tắc nêu trên, các chương trình, dự án được bố trí kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài năm 2024 phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án, tiến độ thực hiện dự án và theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2024, không có khả năng gia hạn Hiệp định, chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024;

- Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt;

- Bố trí vốn cho dự án khởi công mới đã ký Hiệp định và có khả năng giải ngân trong năm 2024.

2. Rà soát, cắt giảm kế hoạch vốn của các dự án triển khai chậm để bổ sung vốn cho các dự án có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, có khả năng hấp thụ vốn, bảo đảm đúng quy định và giải ngân hết kế hoạch vốn được giao; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và báo cáo kết quả phân bổ, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công ngay khi có Quyết định điều chỉnh vốn giữa các dự án để tổng hợp theo dõi, kiểm soát việc giải ngân.

3. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sơ suất, trách nhiệm, để trì trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao; phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2024 đạt tối thiểu

95% kế hoạch được giao; tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí quan trọng để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với cán bộ, công chức.

4. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Thực hiện rà soát báo cáo phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước đã được giao, không bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật đầu tư công, có ý kiến bằng văn bản cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024; định kỳ hằng tháng, hằng quý báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024; công khai các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 không đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên, thời gian phân bổ, giải ngân chậm tại các Phiên họp Chính phủ hằng tháng và trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Đơn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giải ngân thấp so với mức trung bình của cả nước liên tiếp trong 03 tháng hoặc vi phạm trong công tác quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công.

d) Nghiên cứu, đề xuất chế tài xử lý đối với các trường hợp trả lại kế hoạch vốn hằng năm do nguyên nhân chủ quan, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

đ) Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý đối với kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày

31 tháng 12 năm 2023.

2. Bộ Tài chính:

a) Thực hiện kiểm tra việc phân bổ và thanh toán kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiểm soát và giải ngân vốn cho các ngân hàng thực hiện cấp bù lãi suất và phí quản lý tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng chính sách xã hội, vốn điều lệ theo nguyên tắc, tiêu chí và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả thực hiện.

c) Kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 theo chức năng nhiệm vụ, được giao.

d) Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương thực hiện thanh toán, quyết toán đối với số vốn đầu tư từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ hằng tháng, hằng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về các nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4. Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024, danh mục và mức vốn bố trí của từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới trước ngày 31 tháng 12 năm 2023; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch trước ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Toàn bộ phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 phải được báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công theo đúng quy định tại Điều 97 Luật Đầu tư công và Điều 51 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ (trừ phương án phân bổ của các dự án thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước).

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ kế

hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương được giao tại Điều 1 Quyết định này, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024 theo quy định, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên quy định trong Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ưu tiên thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ngân sách nhà nước tham gia vào các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho dự án quan trọng quốc gia, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

c) Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024. Thực hiện phân công Lãnh đạo phụ trách, chịu trách nhiệm theo dõi, lên kế hoạch triển khai chi tiết từng dự án, bám sát tiến độ thực hiện của từng nhiệm vụ, dự án để kịp thời chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đặc biệt là các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, các dự án đường cao tốc, cảng biển, hạ tầng số, các cơ sở dữ liệu quan trọng, các dự án liên vùng, đường ven biển có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Có giải pháp quyết liệt nhằm nâng cao chất lượng đề xuất, công tác chuẩn bị, phê duyệt dự án ODA.

d) Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định; trong đó báo cáo chi tiết số liệu phân bổ, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Đoàn ĐBQH của các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Các cơ quan (phụ lục kèm theo);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2). 170

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



Văn phòng Trung ương Đảng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	233.160
I	VỐN TRONG NƯỚC	233.160



Văn phòng Chính phủ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	67.900
I	VỐN TRONG NƯỚC	67.900



Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	587.990
I	VỐN TRONG NƯỚC	587.990



Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	337.150
I	VỐN TRONG NƯỚC	337.150



Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	270.280
I	VỐN TRONG NƯỚC	270.280



Bộ Ngoại giao

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	400.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	400.000



Bộ Tư pháp

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	582.640
I	VỐN TRONG NƯỚC	582.640



Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	620.120
I	VỐN TRONG NƯỚC	620.120
	<i>Trong đó:</i>	
-	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất, phí quản lý	250.000



Bộ Tài chính

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.936.690
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.936.690



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	9.935.410
I	VỐN TRONG NƯỚC	8.601.270
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.334.140



Bộ Công thương

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.027.700
I	VỐN TRONG NƯỚC	702.570
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	325.130



Bộ Giao thông vận tải

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	56.666.281
I	VỐN TRONG NƯỚC	52.299.591
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường bộ cao tốc, đường liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	43.479.068
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	4.366.690

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu phải bố trí.



Bộ Xây dựng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	309.170
I	VỐN TRONG NƯỚC	216.610
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	92.560



Bộ Thông tin và Truyền thông

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	450.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	450.000



Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	257.880
I	VỐN TRONG NƯỚC	257.880
	<i>Trong đó:</i>	
-	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất, phí quản lý	132.733



Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.506.919
I	VỐN TRONG NƯỚC	877.009
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	392.379
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	629.910



Bộ Y tế

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.254.720
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.254.720



Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.064.160
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.064.160
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	20.000



Bộ Nội vụ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	192.880
I	VỐN TRONG NƯỚC	192.880



Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	253.430
I	VỐN TRONG NƯỚC	215.650
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	37.780



Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.116.160
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.065.160
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	51.000



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	206.600
I	VỐN TRONG NƯỚC	206.600



Ủy ban Dân tộc

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	368.664
I	VỐN TRONG NƯỚC	368.664
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	309.444



Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	35.770
I	VỐN TRONG NƯỚC	35.770



Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.733.100
I	VỐN TRONG NƯỚC	439.200
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.293.900



Thông tấn xã Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	73.950
I	VỐN TRONG NƯỚC	73.950



Đài Tiếng nói Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	144.840
I	VỐN TRONG NƯỚC	144.840



Đài Truyền hình Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	38.900
I	VỐN TRONG NƯỚC	38.900



Kiểm toán Nhà nước

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	151.240
I	VỐN TRONG NƯỚC	151.240



Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	102.800
I	VỐN TRONG NƯỚC	102.800



Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	78.880
I	VỐN TRONG NƯỚC	78.880



Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	283.360
I	VỐN TRONG NƯỚC	283.360



Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	112.600
I	VỐN TRONG NƯỚC	112.600



Hội nông dân Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	45.340
I	VỐN TRONG NƯỚC	45.340



Đại học Quốc gia Hà Nội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	993.370
I	VỐN TRONG NƯỚC	347.600
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	645.770



Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.118.140
I	VỐN TRONG NƯỚC	545.280
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	572.860



Ngân hàng Chính sách xã hội

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	821.640
I	VỐN TRONG NƯỚC	821.640
	<i>Trong đó:</i>	
-	Cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất, phí quản lý	821.640



Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	309.800
I	VỐN TRONG NƯỚC	309.800



Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	1.618
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.618
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.618



Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	36.800
I	VỐN TRONG NƯỚC	36.800



Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	180.230
I	VỐN TRONG NƯỚC	180.230



Tỉnh Hà Giang

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.363.496
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.308.140
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	815.040
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	71.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.055.356
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.594.606
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.082.050
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	482.086
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	87.550
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường bộ cao tốc, đường liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	61.386
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	460.750
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	460.750

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.398.019
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.596.030
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	573.030
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.801.989
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.725.943
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	493.179
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	135.959
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	156.385
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường bộ cao tốc, đường liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.757.170
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	76.046
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	9.900
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	66.146

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

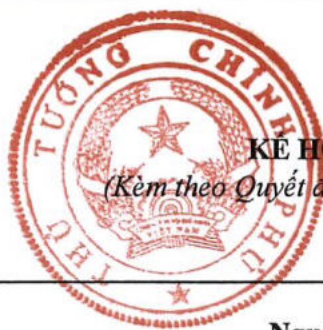
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.578.710
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.011.481
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	797.981
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.567.229
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.525.999
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	775.172
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	440.677
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	55.830
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	674.117
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	41.230
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	41.230

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.449.305
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.411.132
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	787.332
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	14.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	9.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.038.173
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.038.173
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	634.471
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	153.862
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	164.880
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	500.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.212.679
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.313.873
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	718.373
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.520.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.500
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	40.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.898.806
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.898.806
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	608.096
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	278.450
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	90.980
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	245.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Yên Bái

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.587.540
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.772.784
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	564.084
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.050.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	115.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.814.756
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.527.166
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	378.459
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	134.868
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	152.080
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	244.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	287.590
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	287.590

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.612.041
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.954.601
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	839.601
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.100.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.657.440
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.640.040
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	196.493
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.392
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	184.155
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.152.555
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	17.400
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	17.400

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	2.157.119
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	753.172
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	430.372
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	300.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	2.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.403.947
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.342.467
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	398.908
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	127.529
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	95.370
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	61.480
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	61.480

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Phú Thọ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.342.845
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.004.899
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	577.899
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.337.946
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.265.106
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	285.593
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.623
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	274.900
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	200.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	72.840
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	72.840

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bắc Giang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	8.285.061
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.320.784
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	692.784
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	964.277
I	VỐN TRONG NƯỚC	935.904
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	225.623
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	103.496
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	219.665
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	28.373
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	28.373

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Hòa Bình

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.430.661
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.502.910
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	626.510
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	823.200
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	17.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.927.751
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.860.931
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	417.562
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	109.854
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	123.035
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.037.054
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	66.820
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	66.820

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.827.325
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.955.731
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	964.131
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	850.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	91.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.871.594
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.814.594
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	872.299
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	154.590
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	117.115
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	180.791
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	57.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	57.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.127.571
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	881.992
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	651.192
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	8.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.245.579
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.213.716
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	612.802
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	269.604
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	67.950
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	500.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	31.863
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	7.390
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	24.473

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Điện Biên

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.070.513
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.313.872
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	716.472
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	65.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.756.641
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.592.694
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	729.900
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	433.909
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	102.565
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	771.397
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	163.947
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	100.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	63.947

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
 (Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	81.033.180
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	71.581.950
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	27.475.650
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	36.100.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	330.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	7.676.300
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	9.451.230
I	VỐN TRONG NƯỚC	7.106.340
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	7.106.340
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	2.344.890
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.344.890

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Hải Phòng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	17.019.198
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16.263.758
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.809.058
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	12.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	414.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	755.440
I	VỐN TRONG NƯỚC	755.440



Tỉnh Quảng Ninh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	14.278.211
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.847.491
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.799.491
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	48.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	430.720
I	VỐN TRONG NƯỚC	430.720



Tỉnh Hải Dương

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.331.695
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.701.815
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	785.015
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.620.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	256.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	629.880
I	VỐN TRONG NƯỚC	531.760
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	22.449
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	98.120
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	98.120

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	19.921.061
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.594.171
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	971.171
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.326.890
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.326.890
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.122.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Vĩnh Phúc

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.776.625
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.333.265
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.091.365
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.219.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	443.360
I	VỐN TRONG NƯỚC	243.360
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	243.360
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	200.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	200.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bắc Ninh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	8.558.869
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.058.489
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.441.089
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	992.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.500.380
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.500.380
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.140.595

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Hà Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.259.712
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.384.112
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	539.112
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	45.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	875.600
I	VỐN TRONG NƯỚC	875.600
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	245.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Nam Định

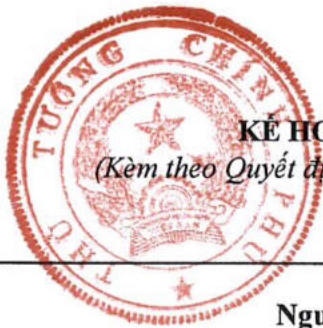
Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.649.385
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.279.974
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	736.974
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	369.411
I	VỐN TRONG NƯỚC	290.941
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.941
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	152.350
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	78.470
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	78.470



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

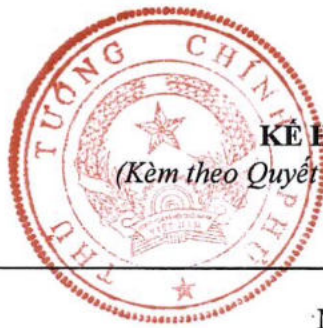
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.459.903
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.848.523
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.935.123
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.850.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	55.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	8.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	611.380
I	VỐN TRONG NƯỚC	519.380
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	383.431
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	92.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	92.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Thái Bình

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.584.268
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.570.671
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	750.371
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.720.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	90.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	10.300
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.013.597
I	VỐN TRONG NƯỚC	999.797
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.667
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	151.790
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	500.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	13.800
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	13.800

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Thanh Hóa

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	11.185.053
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.589.157
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.454.657
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	109.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.595.896
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.166.616
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	366.271
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	442.260
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	530.885
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	429.280
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	429.280



Tỉnh Nghệ An

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	9.076.670
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.160.601
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.329.501
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.560.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	243.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.916.069
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.781.275
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	799.147
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	247.343
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	345.905
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	768.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	134.794
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	37.970
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	96.824

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Hà Tĩnh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.411.719
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.536.391
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	611.991
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	206.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.875.328
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.334.282
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	6.730
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.392
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	186.670
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	150.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	541.046
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	475.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	66.046

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



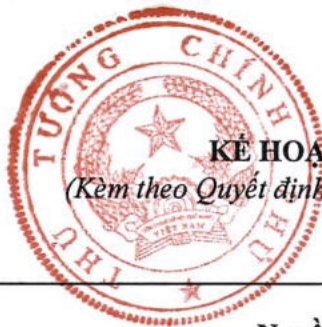
Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.864.191
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.276.825
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	443.225
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	158.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.587.366
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.339.696
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	215.482
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	15.569
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	150.805
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	406.100
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	247.670
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	247.670

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Trị

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	2.348.357
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.304.012
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	410.812
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	53.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.044.345
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.026.025
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	178.503
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	92.292
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	97.870
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	18.320
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	18.320

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.257.879
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.342.226
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	707.526
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.100.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	120.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	414.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.915.653
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.340.653
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	124.630
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	129.138
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	92.485
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	447.332
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	575.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	575.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục

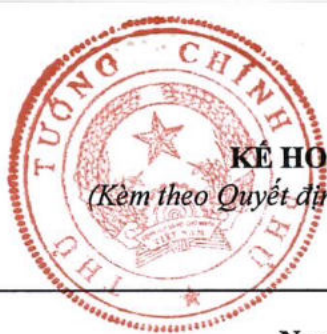
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.291.932
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.251.932
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.111.932
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.900.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	240.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.040.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.040.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	850.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Nam

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.520.568
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.325.593
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.200.793
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	100.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	324.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.194.975
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.768.125
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	368.545
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	364.915
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	176.345
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	415.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	426.850
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	366.400
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	60.450

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.302.869
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.045.015
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.202.415
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	112.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	130.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.257.854
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.227.374
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	298.367
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	135.537
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	100.380
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	290.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	30.480
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	30.480

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Định

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.365.617
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.088.680
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	569.680
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.100.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	140.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	279.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.276.937
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.092.087
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	134.874
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	97.613
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	107.840
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	350.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	184.850
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	184.850

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Phú Yên

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.050.621
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.091.669
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	432.469
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.420.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	117.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	122.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	958.952
I	VỐN TRONG NƯỚC	882.883
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	87.694
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.569
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	88.180
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	389.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	76.069
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	42.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	34.069

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.669.130
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.635.506
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.674.906
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.800.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	265.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	895.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.033.624
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.986.624
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	75.099
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	132.205
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.500.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	47.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	47.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Ninh Thuận

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	2.775.569
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.158.221
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	330.721
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	550.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	197.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.617.348
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.055.348
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	180.647
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	66.726
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	65.105
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	370.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	562.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	562.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Thuận

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.084.104
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.616.377
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	508.877
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	107.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.467.727
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.272.385
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	77.129
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.456
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	139.920
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	441.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	195.342
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	152.580
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	42.762

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Đắk Lắk

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.897.865
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.782.129
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	913.129
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	135.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	34.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.115.736
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.053.356
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	581.336
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	167.505
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	164.515
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	920.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	62.380
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	62.380

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Đắk Nông

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	2.590.009
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.009.843
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	460.443
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	17.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.580.166
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.450.511
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	292.152
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	149.374
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	116.505
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	129.655
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	76.000
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	53.655

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Gia Lai

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.036.000
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.308.413
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	903.813
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.250.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	150.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	4.600
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.727.587
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.691.320
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	410.517
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	79.328
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	291.715
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	200.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	36.267
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	36.267

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Kon Tum

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	2.717.200
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.095.720
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	547.220
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	68.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.621.480
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.596.205
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	498.724
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	171.101
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	103.160
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	200.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	25.275
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	25.275

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Lâm Đồng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.106.417
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.324.843
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	670.343
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.750.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	14.500
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.781.574
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.669.574
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	146.464
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.930
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	132.460
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	855.696
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	112.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	112.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	79.263.776
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	75.577.216
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	28.218.816
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	33.960.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.400.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	8.998.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.686.560
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.545.890
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.500.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.140.670
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	1.140.670

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Đồng Nai

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

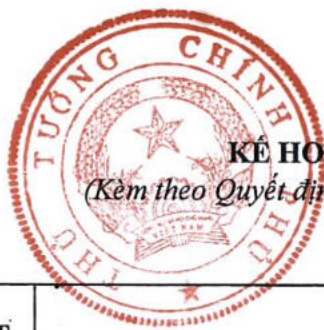
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	12.347.405
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.988.405
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.518.405
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.600.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.870.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.359.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.359.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.114.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Dương

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	15.278.379
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.094.519
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.550.519
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.750.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.880.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	914.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.183.860
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.183.860
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.938.190

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bình Phước

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.545.462
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.761.110
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	493.310
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.100.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.150.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	17.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	784.352
I	VỐN TRONG NƯỚC	739.691
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	188.432
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.699
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	151.760
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	199.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	44.661
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	44.661

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Tây Ninh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.174.322
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.453.946
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	562.846
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.880.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	11.100
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	720.376
I	VỐN TRONG NƯỚC	720.376
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.347
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.699
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	116.570



Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	11.334.111
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.074.111
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	6.324.111
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.750.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.260.000
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.260.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.200.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Long An

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	8.399.380
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.475.618
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.285.618
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.300.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.923.762
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.920.282
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	7.392
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	224.410
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	911.257
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	3.480
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	3.480

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Tiền Giang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.883.653
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.483.181
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	653.181
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.830.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.400.472
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.400.472
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	4.667
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	155.785
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.196.797

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bến Tre

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.972.075
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.665.768
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	412.968
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.830.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	22.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.306.307
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.116.307
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	68.892
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	220.615
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	190.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	190.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Trà Vinh

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.440.821
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.905.695
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	654.995
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	450.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.750.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	50.700
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.535.126
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.430.126
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	147.737
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.569
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	85.680
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	453.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	105.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	105.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Vinh Long

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.844.998
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.126.197
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	555.197
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.831.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	40.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	718.801
I	VỐN TRONG NƯỚC	658.801
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	13.712
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.699
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	127.790
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	100.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	60.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	60.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Thành phố Cần Thơ

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	9.718.095
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.564.935
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.379.135
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.170.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP	2.215.800
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.153.160
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.113.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.800.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	40.160
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	40.160

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Hậu Giang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.082.106
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.720.924
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	581.524
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.430.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	9.400
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.361.182
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.355.042
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	13.763
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.569
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	82.910
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.728.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	6.140
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	6.140

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Sóc Trăng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.854.534
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.074.475
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	824.475
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.850.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.780.059
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.713.713
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	197.527
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	12.586
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	103.600
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.671.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	66.346
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	66.346

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh An Giang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	7.660.166
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.973.874
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.381.674
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	620.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	82.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.686.292
I	VỐN TRONG NƯỚC	3.484.142
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	46.640
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	95.317
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	214.825
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	2.305.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	202.150
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	202.150

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Đồng Tháp

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	6.504.677
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.690.186
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.070.186
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.770.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.850.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.814.491
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.729.491
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	5.216
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	127.705
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	1.038.500
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	85.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	85.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Kiên Giang

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	5.640.142
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.421.389
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.031.389
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.218.753
I	VỐN TRONG NƯỚC	1.168.753
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	74.056
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	13.667
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	115.630
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	50.000
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	50.000

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Bạc Liêu

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	3.635.492
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.577.118
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	454.918
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	250.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.810.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	62.200
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.058.374
I	VỐN TRONG NƯỚC	905.234
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.825
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.569
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	55.480
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	300.000
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	153.140
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	153.140

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.



Tỉnh Cà Mau

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2024
	TỔNG SỐ	4.212.872
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.211.460
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	674.560
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.820.000
-	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	16.900
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.001.412
I	VỐN TRONG NƯỚC	898.196
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	26.602
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	21.699
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	129.895
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác ⁽¹⁾	127.602
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	103.216
	<i>Trong đó:</i>	
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	65.350
-	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	37.866

Ghi chú:

(1) Số vốn tối thiểu địa phương phải bố trí.